

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAM LỘ
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2020/ST - HNGĐ**

Ngày 06/8/2020

V/v “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LỘ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Thái Tăng Hữu.
2. Bà Nguyễn Thị Vân Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Quốc Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Hương Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06/8/2020 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2020/TLST-HNGĐ ngày 06/3/2020 về tranh chấp “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21/7/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm 1984; có mặt.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn ĐK, xã Cam Chính, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị;

Nơi ở hiện tại: Thôn BS 2, xã Cam Nghĩa, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1973; có mặt.

Nơi cư trú: Thôn ĐK, xã Cam Chính, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/3/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Ngọc H kết hôn năm 2005 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CN, huyện

Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị. Sau khi kết hôn thì bà Trần Thị T nhập hộ khẩu và chuyển về sống tại nhà ông Nguyễn Ngọc H tại xã Cam Chính, huyện Cam Lộ từ đó cho đến nay. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng vài năm trở lại đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình, quan điểm sống của mỗi người mỗi khác; ông H sống không có trách nhiệm với gia đình; thường xuyên uống rượu, bia không lo làm ăn mà hay gây gổ với vợ con. Bà T đã khuyên bảo nhiều lần nhưng ông H vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra làm ảnh hưởng đến việc học hành cũng như sự phát triển tâm lý của các con. Từ đầu năm 2019 đến nay thì bà Trần Thị T và cháu Nguyễn Thị Ánh T1 đã chuyển về nhà bố mẹ tại thôn Thôn BS 2, xã Cam Nghĩa, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị sinh sống. Còn cháu Nguyễn Ngọc N thì ông Nguyễn Ngọc H ngăn cản không cho bà Trần Thị T chăm sóc. Nay mâu thuẫn vợ chồng đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Trần Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Ngọc H.

Về con chung: Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Ngọc H có 02 con chung là: Nguyễn Thị Ánh T1, sinh ngày 19/6/2006 và Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 20/02/2009. Khi ly hôn, bà Trần Thị T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu N và T1 và yêu cầu ông Nguyễn Ngọc H phải cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000đồng/tháng/01 con (2.000.000đồng/tháng/02 con) cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Bà Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Trần Thị T thỏa thuận chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Ngọc H không có ý kiến về việc khởi kiện của bà Trần Thị T; không chịu ký nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa lần thứ nhất.

Tại phiên tòa lần hai, bị đơn trình bày nguyện vọng xin đoàn tụ gia đình; nếu ly hôn thì yêu cầu Tòa án được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử:

Thẩm phán thụ lý vụ án đã tiến hành đầy đủ theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự như: xác định đúng thẩm quyền, lập hồ sơ vụ án, xác định tư cách đương sự, xác định quan hệ tranh chấp cần giải quyết.

Về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng; cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ; tham gia đầy đủ các phiên họp và có mặt tại phiên tòa. Bị đơn không chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ của đương sự, không có ý kiến cũng như từ chối ký nhận các văn bản của Tòa án.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 19, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Trần Thị T được ly hôn ông Nguyễn Ngọc H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày: 20/02/2009 và cháu Nguyễn Thị Ánh T1, sinh ngày 19/6/2006 cho bà Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Nguyễn Ngọc H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000đồng/tháng/01 con (2.000.000 đồng /tháng/ 02 con) cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đã đủ 18 tuổi nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí : Bà Trần Thị T chịu án phí ly hôn sơ thẩm và thỏa thuận chịu toàn bộ án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Trần Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn ông Nguyễn Ngọc H cư trú tại Thôn ĐK, xã Cam Chính, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ

thụ lý giải quyết vụ án hôn nhân gia đình là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T, Hội đồng xét xử thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Ngọc H tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã Cam Nghĩa, huyện Cam Lộ. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng khoảng 3 – 4 năm trở lại đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Theo biên bản xác minh ngày 02/6/2020 (*bút lục 20*), chính quyền địa phương cho biết ông Nguyễn Ngọc H thường sử dụng rượu, bia, không có nghề nghiệp ổn định và đôi lúc không làm chủ hành vi của mình. Tại Biên bản lấy ý kiến của cháu Nguyễn Thị Ánh T1 và cháu Nguyễn Ngọc N (*bút lục 26, 27*) thì các cháu đều xác nhận là ông Nguyễn Ngọc H thường xuyên uống rượu say xỉn về gây gỗ trong gia đình, ảnh hưởng đến tâm lý và việc học tập của các cháu. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng ông Nguyễn Ngọc H trong cuộc sống thường xuyên sử dụng rượu, bia không làm chủ bản thân, không lo làm ăn để có thu nhập nuôi gia đình mà còn hay gây gỗ vợ con dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T, xử cho bà Trần Thị T được ly hôn ông Nguyễn Ngọc H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con chung: Xét nguyện vọng của bà Trần Thị T xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con là: Nguyễn Thị Ánh T1, sinh ngày 19/6/2006 và Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 20/02/2009. Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông Nguyễn Ngọc H không có công việc ổn định lại thường xuyên sử dụng rượu, bia làm ảnh hưởng đến tâm lý, sự phát triển bình thường của các con. Mặt khác, quá trình từ trước đến nay bà Trần Thị T là người chăm sóc, quan tâm về mặt tình cảm cũng như đóng, nộp các khoản nghĩa vụ tài chính cho các cháu học; Bà T có công việc ổn định, thu nhập khoảng 4.000.000 đ – 5.000.000 đồng/tháng. Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường của các con cần chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị T, giao cháu Nguyễn Ngọc N và cháu Nguyễn Thị Ánh T1 cho bà Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Điều này cũng đúng với nguyện vọng của hai cháu tại biên bản lấy ý kiến của cháu Nguyễn Thị Ánh T1 và cháu Nguyễn Ngọc N.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị T yêu cầu ông Nguyễn Ngọc H cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000 đồng/tháng/con (2.000.000 đồng/tháng/02 con) cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Hội

đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên của bà Trần Thị T là chính đáng, tuy nhiên theo lời khai của Bà T và được ông H xác nhận là thu nhập hàng tháng của ông H khoảng hơn 3.000.000 đồng (ngày khoảng 200.000 đồng; mỗi tháng làm khoảng 10 – 15 ngày). Do đó, để đảm bảo cuộc sống tối thiểu của ông H, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu cấp dưỡng của nguyên đơn, buộc bị đơn cấp dưỡng nuôi con 500.000 đồng/tháng/cháu, kể từ tháng 9/2020 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đã đủ 18 tuổi nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc nguyên đơn bà Trần Thị T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn. Đối với án phí cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa bà Trần Thị T thỏa thuận chịu toàn bộ án phí cấp dưỡng nuôi con nên chấp nhận đề nghị này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T được ly hôn ông Nguyễn Ngọc H.

- Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Ánh T1, sinh ngày 29/6/2006 và cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 20/02/2009 cho bà Trần Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Nguyễn Ngọc H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000đồng/tháng/02con (500.000 đồng/tháng/cháu), kể từ tháng 09/2020 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đã đủ 18 tuổi nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2014/0001892 ngày 06/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị. Bà Trần Thị T phải nộp thêm số tiền án phí còn thiếu là 300.000 đồng.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (06/8/2020).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Cam Lộ;
- Chi cục THADS huyện Cam Lộ;
- UBND xã CC, Cam Lộ, QTrị;
- Dương sự;
- Dán án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Quý